

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số153/2016/HNST ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung” trong thời kỳ hôn nhân.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị KL (Nguyen L Thi K)**, sinh năm 1961

Địa chỉ: 9672 L Ave, G E, C, 92844, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn HH**, sinh năm 1968

Địa chỉ : 170/18 B, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 14/3/2016)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T (Nguyen TV)**, sinh năm 1956

Địa chỉ: 9672 L Ave, G G, C, 92844, Hoa Kỳ

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Nguyễn Hồng Phong**, sinh năm 1966.

Địa chỉ : B68 khu phố B2, thị trấn LT, huyện A, tỉnh Bình Dương.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/8/2017)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn nhà số 38/18 đường N, Phường S, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích sử dụng là 132,9m² gồm:

Diện tích xây dựng là 55,9m² thuộc thửa 22+23, tờ bản đồ số 15(BĐĐC), diện tích đất ở là 66,5m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4052/SXD do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 04/5/2004).

Trên đất có hai căn nhà cùng cấu trúc mang số 38/18 đường N, Phường S, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng từ năm 2006 (Giấy phép xây dựng số 06.0982/UBND-GPXD do Ủy ban nhân dân quận TB cấp ngày 25/5/2006). Tuy nhiên, từng căn nhà đều riêng biệt về phần diện tích sử dụng, có hệ thống cấp thoát nước và đồng hồ sinh hoạt riêng. Khối tài sản này do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị KL cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và đây là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà Nguyễn Thị KL có yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, các bên đương sự cùng tự thỏa thuận về các vấn đề như sau:

1. Tài sản đang tranh chấp là hai căn nhà liền kề trên đất mang số 38/18 đường N, Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng giá trị tài sản là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, mỗi phần tài sản có giá trị ngang nhau là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

2. Nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận phân chia tài sản là nhà và đất tại số 38/18 đường N, Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4052/SXD ngày 04/5/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho bà Nguyễn Thị KL, diện tích sử dụng: 132,9m², diện tích xây dựng: 55,9m², đất thuộc thửa số 22+23 có diện tích 66,5m²) như sau:

-Bà Nguyễn Thị KL nhận phần nhà đất nằm phía bên trái hướng từ trong nhà ra mặt tiền đường N. Chiều dài 9,8m, chiều ngang 3,4m, diện tích sử dụng 80,08m², kết cấu tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, 3 tầng + mái che cầu thang.

- Ông Nguyễn Văn T nhận phần nhà đất nằm phía bên phải hướng từ trong nhà ra mặt tiền đường N. Chiều dài 9,8m, chiều ngang 3,4m, diện tích sử dụng

80,08m², kết cấu tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, 3 tầng + mái che cầu thang.

3. Sau khi được nhận phần tài sản đã phân chia trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị KL (Nguyễn L Thị K) ông Nguyễn Văn T (Nguyễn T Van) được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà đất tại địa phương để tiến hành các thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để được công nhận chủ quyền riêng của mỗi người theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T được phân chia phần tài sản trị giá 900.000.000 đồng nên phải chịu án phí 39.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị KL được phân chia phần tài sản trị giá 900.000.000 đồng nên phải chịu án phí là 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị KL (Nguyễn L Thị K) tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị KL phải nộp là 78.000.000 đồng, được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006043 ngày 14/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị KL (Nguyễn L Thị K) còn phải nộp 66.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tôi cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADSTPCHM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Giang